

Giải pháp nâng cao năng suất lao động của Việt Nam

Trần Tuấn Anh

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cạnh tranh gay gắt, cải thiện và thúc đẩy tăng năng suất lao động (NSLĐ) là yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và của từng doanh nghiệp; là vấn đề sống còn đối với các quốc gia đang phát triển như Việt Nam. NSLĐ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng và quyết định sự phát triển kinh tế nhanh và bền vững. Tuy nhiên, năng suất đang là thách thức lớn đối với Việt Nam, đặc biệt là trong thời đại công nghiệp hóa - hiện đại hóa hiện nay.

1. Mở đầu

Đối với các quốc gia đang phát triển như Việt Nam, nâng cao NSLĐ được coi là vấn đề sống còn để phát triển bền vững và đuổi kịp các quốc gia đi trước. Thông thường, NSLĐ xã hội được tính bằng Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) chia cho số lao động đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân. Cùng số lao động đang làm việc, nếu GDP càng lớn thì NSLĐ xã hội càng cao và ngược lại. NSLĐ là một trong các chỉ tiêu thể hiện rõ ràng nhất năng lực, mô hình và trình độ phát triển của mỗi quốc gia.

Tuy nhiên, thực tế là NSLĐ của Việt Nam hiện nay vẫn còn thấp so với nhiều nước trong khu vực. Đặc biệt, một xu hướng đáng lo ngại đang diễn ra là sự chênh lệch về NSLĐ giữa Việt Nam với các nước trong khu vực tiếp tục gia tăng. Với tốc độ tăng năng suất như hiện nay, Việt Nam khó có thể duy trì được đà tăng trưởng nhanh, bền vững và rất dễ rơi vào "bẫy" thu nhập trung bình.

Riêng đối với các doanh nghiệp, nâng cao NSLĐ còn là yếu tố then chốt quyết định đến khả năng cạnh tranh và sự trường tồn trên thị trường, là cơ sở để nâng cao doanh thu và lợi nhuận, từ đó tạo môi trường và điều kiện làm việc tốt hơn cho người lao động. Thời gian qua, vấn đề NSLĐ đã được Chính phủ và toàn xã hội đặc biệt quan tâm do đây là yếu tố tác động quan trọng tới năng lực cạnh tranh quốc gia và mức sống của người dân.

2. Thực trạng về NSLĐ ở Việt Nam

NSLĐ (NSLĐ) của Việt Nam thời gian qua tiếp tục cải thiện đáng kể theo hướng tăng đều qua các năm, là quốc gia có tốc độ tăng NSLĐ cao trong khu vực ASEAN. Với mức tăng trưởng kinh tế năm 2018 đạt 7,08%, NSLĐ toàn nền kinh tế theo giá hiện hành năm 2018 ước tính đạt 102,2 triệu đồng/lao động (tương

đương 4.521 USD/lao động); NSLĐ tăng 6% so với năm 2017. Bình quân giai đoạn 2016-2018, NSLĐ tăng 5,77%/năm, cao hơn mức tăng bình quân 4,35%/năm của giai đoạn 2011-2015. Tính chung giai đoạn 2011-2018, NSLĐ tăng bình quân 4,88%/năm.

Có thể nói, NSLĐ ngày càng thể hiện rõ vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế. Nếu như trong giai đoạn 2011-2015, tăng trưởng GDP bình quân đạt 5,91%/năm, trong đó lao động tăng 1,5%/năm; tăng NSLĐ đạt 4,35%/năm, thì trong 3 năm 2016-2018, mặc dù lao động chỉ tăng 0,88%/năm nhưng NSLĐ đạt tốc độ tăng bình quân 5,77%/năm, cao hơn giai đoạn trước 1,42 điểm phần trăm nên GDP tăng trưởng bình quân đạt tốc độ 6,7%/năm.

Tính theo sức mua tương đương năm 2011 (PPP 2011), NSLĐ của Việt Nam giai đoạn 2011-2018 tăng bình quân 4,8%/năm, cao hơn mức tăng bình quân của Xin-ga-po (1,4%/năm); Ma-lai-xi-a (2%/năm); Thái Lan (3,2%/năm); In-đô-nê-xi-a (3,6%/năm); Phi-li-pin (4,4%/năm). Nhờ đó, Việt Nam đã thu hẹp được khoảng cách tương đối với các nước ASEAN có trình độ phát triển cao hơn. Nếu năm 2011, NSLĐ của Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a lần lượt gấp NSLĐ của Việt Nam 17,6 lần; 6,3 lần; 2,9 lần và 2,4 lần thì đến năm 2018 khoảng cách tương đối này giảm xuống tương ứng còn 13,7 lần; 5,3 lần; 2,7 lần và 2,2 lần. Theo Tổng cục Thống kê, NSLĐ của Việt Nam thời gian qua tuy có sự cải thiện đáng kể theo hướng tăng đều qua các năm và là quốc gia có tốc độ tăng NSLĐ cao trong khu vực ASEAN nhưng năng suất của Việt Nam hiện nay vẫn rất thấp so với nhiều nước trong khu vực, đáng chú ý là khoảng cách chênh lệch tuyệt đối vẫn tiếp tục gia tăng. Tính theo PPP 2011, NSLĐ của Việt Nam năm 2018 đạt 11.142 USD, chỉ bằng 7,3% mức năng suất của Xin-ga-po; 19% của Ma-lai-xi-a; 37% của Thái Lan; 44,8% của In-đô-nê-xi-a và bằng 55,9% NSLĐ của Phi-li-pin. Chênh lệch mức

NSLD (tính theo PPP 2011) của Xin-ga-po và Việt Nam tăng từ 132.566 USD năm 2011 lên 141.276 USD năm 2018; tương tự, của Ma-lai-xi-a từ 42.397 USD lên 47.545 USD; Thái Lan từ 14.985 USD lên 18.973 USD. Điều này cho thấy nền kinh tế Việt Nam sẽ phải đối mặt với thách thức rất lớn trong thời gian tới để có thể bắt kịp mức NSLD của các nước.

3. Các yếu tố ảnh hưởng đến NSLD ở Việt Nam

Có nhiều nguyên nhân khiến cho mức NSLD (NSLD) của Việt Nam thấp hơn các nước trong khu vực và trên thế giới, trong đó tập trung vào một số nguyên nhân chủ yếu:

- Quy mô nền kinh tế Việt Nam còn nhỏ. Với xuất phát điểm thấp, quy mô kinh tế nhỏ, việc thu hẹp khoảng cách tương đối về thu nhập bình quân và NSLD của Việt Nam với các nước trong thời gian qua là một thành tựu đáng ghi nhận nhưng chưa đủ để thu hẹp khoảng cách tuyệt đối về mức NSLD so với các nước trong khu vực.

- Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế tuy theo hướng tích cực nhưng còn chậm, các ngành công nghiệp, dịch vụ, nhất là những ngành dịch vụ mang tính chất động lực hay huyết mạch của nền kinh tế như tài chính, ngân hàng còn chiếm tỷ trọng thấp.

- Máy móc, thiết bị và công nghệ còn lạc hậu.

- Chất lượng nhân lực lao động Việt Nam còn nhiều hạn chế, trong đó tỷ lệ lao động đã qua đào tạo còn thấp, cơ cấu đào tạo thiếu hợp lý, thiếu hụt lao động có tay nghề cao, khoảng cách giữa giáo dục nghề nghiệp và nhu cầu của thị trường lao động còn lớn.

- Trình độ tổ chức, quản lý và hiệu quả sử dụng các nguồn lực còn nhiều bất cập; năng lực quản lý, quản trị doanh nghiệp còn hạn chế; còn một số "điểm nghẽn" về cải cách thể chế và thủ tục hành chính.

- Quá trình đô thị hóa diễn ra chậm.

- Việt Nam cần phải xử lý những "rào cản" từ thể chế đối với mục tiêu cải thiện NSLD. Các cách thức thể chế kinh tế có vai trò hết sức quan trọng, tạo động lực tăng trưởng mạnh mẽ, nâng cao NSLD và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Trong những năm gần đây, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực thực hiện cải cách và hoàn thiện thể chế kinh tế, góp phần tạo thêm động lực cho nền kinh tế. Tuy nhiên, vẫn còn một số "điểm nghẽn" về thể chế trong quá trình chuyển đổi sang kinh tế thị trường đã ảnh hưởng tới quá trình tái cơ cấu nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng.

- Khu vực doanh nghiệp mặc dù đóng vai trò rất quan trọng trong nâng cao NSLD của toàn nền kinh tế nhưng chưa thực sự là động lực quyết định tăng trưởng NSLD. Phần lớn các doanh nghiệp Việt Nam là doanh nghiệp nhỏ và vừa, tiềm lực và vốn hạn hẹp, khả năng đầu tư công nghệ hạn chế, kinh nghiệm quản lý sản xuất yếu và năng lực cạnh tranh thấp.

4. Giải pháp nâng cao NSLD

Giải quyết bài toán về tăng NSLD cần có chiến lược, giải pháp tổng thể nhưng về ngắn hạn để tạo chuyển biến đột phá, nhanh chóng cải thiện NSLD có thể thực hiện một số giải pháp sau:

Về chính sách vĩ mô: Tiếp tục đẩy mạnh ba đột phá chiến lược, tái cơ cấu nền kinh tế, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học công nghệ, tri thức và sáng tạo. Xây dựng chiến lược hoặc đề án nâng cao NSLD quốc gia, trong đó đề ra nhiệm vụ, giải pháp của từng giai đoạn, gắn với cơ chế đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ về tăng NSLD.

Về hoàn thiện thể chế kinh tế: Tiếp tục rà soát, hoàn thiện thể chế để đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ cơ chế chính sách. Nghiên cứu cải cách chính sách tín dụng, thuế khuyến khích mạnh mẽ cho nâng cao NSLD, đổi mới công nghệ. Nghiên cứu chính sách tiền lương, tiền công phù hợp cơ chế thị trường, phù hợp giữa tăng tiền lương và tăng NSLD.

Đổi mới một số ngành quan trọng: Trước hết tập trung tái cơ cấu hiệu quả các ngành chủ chốt như công nghiệp, thương mại, dịch vụ. Tập trung phát triển sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng cao; giá trị xuất khẩu lớn, sử dụng công nghệ cao, tự động hóa, tạo nhiều việc làm kỹ thuật cao, giảm dần các ngành sử dụng nhiều tài nguyên khoáng sản và lao động giản đơn. Chú trọng đầu tư nghiên cứu, thiết kế, chế tạo sản phẩm mới; thu hút công nghệ mới, hiện đại. Hình thành các mạng liên kết sản xuất, chuỗi giá trị của ngành, trước hết là trong các ngành hàng xuất khẩu chủ chốt.

Có giải pháp đột phá tăng NSLD ngành nông nghiệp, đồng thời thực hiện chuyển dịch cơ cấu, chủ trọng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ, nghiên cứu tạo giống mới. Đẩy mạnh thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp trong nông nghiệp, nông thôn để thúc đẩy chuyển dịch sang công nghiệp, dịch vụ.

Phát triển mạnh mẽ các ngành dịch vụ, khai thác tối các thể mạnh, nhất là các dịch vụ cơ bản phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, góp phần hình thành cơ cấu kinh tế hiện đại. Tập trung vào các ngành có khả năng đóng góp lớn cho tăng NSLD như: công nghệ thông tin và truyền thông, giáo dục và đào tạo, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, phát triển doanh nghiệp, dịch vụ chuyên môn, logistics và vận tải, du lịch, khoa học công nghệ, phân phối, y tế, xây dựng.

Về phát triển doanh nghiệp: Thúc đẩy, hỗ trợ doanh nghiệp trong nước tham gia các chuỗi giá trị toàn cầu, gắn kết chặt chẽ với khu vực FDI, tăng cường chuyển giao công nghệ, tăng tỷ lệ nội địa hóa, tỷ trọng cung ứng sản phẩm, linh kiện, chi tiết nội địa cho các doanh nghiệp FDI. Đẩy mạnh khởi nghiệp sáng tạo, sản xuất kinh doanh thay đổi theo hướng cần cán quản lý thị trường tỷ giá người sở hữu quan hệ sang người sở hữu trí thức sáng tạo.

Xem tiếp trang 24